Chi tiết mã HS 8413.82.10

Mã HS	8413.82.10
Mô tả hàng hóa	Bơm chất lỏng, có hoặc không lắp thiết bị đo; máy đẩy chất lỏng / - Bơm khác; máy đẩy chất lỏng: / - - Máy đẩy chất lỏng: / - - - Hoạt động bằng điện
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	10/11/2026 03:19:26
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84138210/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13154
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13154
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13154
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12437
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12380
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12380
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12380
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12380
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12380
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12380
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12434
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12434

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12434
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12434
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12434
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12434
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12435
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12435
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12435
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12435
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12435
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12435
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12436
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12386
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F12392
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G12392
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H12392
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I12392
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J12392
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K12392
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12425
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12425
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12425
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12425
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12425
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12425
VCFTA	2022	2022	0	VC!D12472
VCFTA	2023	2023	0	VC!E12472

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12472
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12472
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12472
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12472
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D12457
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E12457
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F12457
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G12457
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H12457
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I12457
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D12457
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E12457
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F12457
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G12457
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H12457
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12457
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D12472
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E12472
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F12472
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12472
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12472
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12472
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D12471
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E12471
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F12471
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12471

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12471
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12471
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12451
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12451
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12451
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12451
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12451
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12451
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12451
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D12459
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E12459
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F12459
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G12459
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H12459
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I12459
RCEP B	2022	2022	0	B!D12459
RCEP B	2023	2023	0	B!E12459
RCEP B	2024	2024	0	B!F12459
RCEP B	2025	2025	0	B!G12459
RCEP B	2026	2026	0	B!H12459
RCEP B	2027	2027	0	B!I12459
RCEP C	2022	2022	0	C!D12459
RCEP C	2023	2023	0	C!E12459
RCEP C	2024	2024	0	C!F12459
RCEP C	2025	2025	0	C!G12459
RCEP C	2026	2026	0	C!H12459

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I12459
RCEP D	2022	2022	0	D!D12458
RCEP D	2023	2023	0	D!E12458
RCEP D	2024	2024	0	D!F12458
RCEP D	2025	2025	0	D!G12458
RCEP D	2026	2026	0	D!H12458
RCEP D	2027	2027	0	D!I12458
RCEP E	2022	2022	0	E!D12462
RCEP E	2023	2023	0	E!E12462
RCEP E	2024	2024	0	E!F12462
RCEP E	2025	2025	0	E!G12462
RCEP E	2026	2026	0	E!H12462
RCEP E	2027	2027	0	E!I12462
RCEP F	2022	2022	0	F!D12459
RCEP F	2023	2023	0	F!E12459
RCEP F	2024	2024	0	F!F12459
RCEP F	2025	2025	0	F!G12459
RCEP F	2026	2026	0	F!H12459
RCEP F	2027	2027	0	F!I12459
VIFTA	2024	2024	0	VI!F11530
VIFTA	2025	2025	0	VI!G11530
VIFTA	2026	2026	0	VI!H11530
VIFTA	2027	2027	0	VI!I11530

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8413.82 có 2 dòng thuế; dòng 8413.82.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Hoạt động bằng điện.	8413.82.20 Không hoạt động bằng điện	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8413.82.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8413.82.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13154), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.